



CÔNG BÁO

Do UBND tỉnh Phú Thọ xuất bản

Số 20

Ngày 15 tháng 9 năm 2007

MỤC LỤC

Ngày ban hành

Trích yếu nội dung

Trang

PHẦN I. VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

07-9-2007	Quyết định số 2259/QĐ-UBND v/v thu hồi và giao đất cho Công ty TNHH Leosco Việt Nam thuê để xây dựng cơ sở sản xuất thú nhồi bông, vải, sợi, tại khu làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao.	5
11-9-2007	Quyết định số 2297/QĐ-UBND về việc thu hồi và giao đất cho Công ty cổ phần Đầu tư phát triển và Kinh doanh xuất nhập khẩu Hùng Vương theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất để xây dựng cửa hàng kinh doanh thương mại tổng hợp tại phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ.	7
11-9-2007	Quyết định số 2298/QĐ-UBND về việc thu hồi và giao đất cho Công ty cổ phần Hà Phương thuê để xây dựng cơ sở kinh doanh du lịch sinh thái tại phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì.	9

11-9-2007	Quyết định số 2299/QĐ-UBND về việc thu hồi và giao đất cho Công ty TNHH Miwon Việt Nam xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu ở dân cư và tái định cư để mở rộng nhà máy tại phường Tiên Cát và phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì.	11
11-9-2007	Quyết định số 2300/QĐ-UBND v/v duyệt mức hỗ trợ dự án: Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2006 - 2010.	13
12-9-2007	Quyết định số 2303/QĐ-UBND v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu dịch vụ dân cư xã Thượng Nông, huyện Tam Nông, tỷ lệ 1/500.	38
12-9-2007	Quyết định số 2324/QĐ-UBND về việc thu hồi và giao đất cho Công ty cổ phần Bia Hồng Hà - Hà Nội thuê để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bia Hà Nội tại xã Vân Phú, thành phố Việt Trì.	43

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

07-9-2007	Quyết định số 2243/QĐ-UBND v/v Duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư công trình: Hạ tầng tái định cư công viên Văn Lang khu Đồng Đàm, thành phố Việt Trì.	45
07-9-2007	Quyết định số 2253/QĐ-UBND v/v phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006 - 2010, định hướng tới 2015.	46
07-9-2007	Quyết định số 2265/QĐ-UBND v/v duyệt cấp 427.578.600 đồng từ nguồn hỗ trợ xây dựng đường bê tông xi măng còn thừa sau khi quyết toán, cho đường giao thông liên xã Phượng Vũ - Thụy Liễu.	62
07-9-2007	Quyết định số 2266/QĐ-UBND v/v trích ngân sách tỉnh 2.778.600.000 đồng, cấp bổ sung kinh phí do tăng biên chế cho huyện Tân Sơn.	63
07-9-2007	Quyết định số 2267/QĐ-UBND v/v phân bổ 300 triệu đồng, từ nguồn thu xổ số năm 2007.	64
07-9-2007	Quyết định số 2268/QĐ-UBND v/v trích ngân sách tỉnh 57.200.000 đồng, cấp hỗ trợ cho Ban Dân tộc và Tôn giáo tỉnh.	65

07-9-2007	Quyết định số 2269/QĐ-UBND về việc duyệt kết quả đấu thầu gói thầu xây lắp hạng mục tu bổ, tôn tạo kiến trúc: Đèn chính, Nghi môn, Lăng Vua Hùng, Cột đá thờ, Nhà quản cư, Nhà quản lý, Nhà để hiện vật - công trình: Tu bổ, tôn tạo Đèn Thượng, Khu di tích lịch sử Đèn Hùng.	66
10-9-2007	Quyết định số 2285/QĐ-UBND v/v Duyệt dự toán kinh phí bồi thường, GPMB xây dựng công trình: Trường Trung cấp Nghề tỉnh Phú Thọ (đợt 1).	67
10-9-2007	Quyết định số 2286/QĐ-UBND v/v Duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành: Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc Sở Y tế.	69
10-9-2007	Quyết định số 2291/QĐ-UBND về việc duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng khu tái định cư đồi Nữ Oa, thành phố Việt Trì.	72
10-9-2007	Quyết định số 2293/QĐ-UBND v/v Duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành: Bệnh viện Tân Phú, phòng khám đa khoa Hương Cần, phòng khám đa khoa Võ Miếu - huyện Thanh Sơn; phòng khám đa khoa Xuân Áng - huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.	73
10-9-2007	Quyết định số 2294/QĐ-UBND v/v Điều chỉnh phân bổ vốn đối ứng kế hoạch năm 2007 - Dự án phát triển nông thôn tổng hợp giảm nghèo tỉnh Phú Thọ.	76
10-9-2007	Quyết định số 2295/QĐ-UBND về việc phê chuẩn miễn nhiệm và kết quả bầu bổ sung chức danh Phó Chủ tịch UBND huyện Tam Nông nhiệm kỳ 2004 - 2009.	77
12-9-2007	Chỉ thị số 10/CT-UBND về tăng cường các biện pháp phòng, chống bệnh dại.	78
12-9-2007	Quyết định số 2304/QĐ-UBND v/v Thu nộp và sử dụng tiền thu phí hạ tầng Khu công nghiệp Thụy Vân.	81
12-9-2007	Quyết định số 2315/QĐ-UBND v/v Giao bổ sung chỉ tiêu kế hoạch xây dựng cơ bản dự án sử dụng vốn JBIC chương trình tín dụng chuyên ngành thuộc Hiệp định VN X-3.	83
14-9-2007	Quyết định số 2336/QĐ-UBND về việc tách Tạp chí Văn nghệ Đất Tổ thành cơ quan báo chí độc lập và bố trí biên	85

ché cho Tạp chí Văn nghệ Đất Tỏ.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2259/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 07 tháng 9 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**V/v thu hồi và giao đất cho Công ty TNHH Leosco Việt Nam thuê
để xây dựng cơ sở sản xuất thú nhồi bông, vải, sợi, tại khu làng nghề
sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị tại Công văn số 02/LCVN ngày 16/7/2007 của Công ty TNHH Leosco Việt Nam, Tờ trình số 702/UBND-TNMT ngày 20/7/2007 của UBND huyện Lâm Thao và Tờ trình số 1608/TT-TNMT ngày 30/8/2007 của Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. a) Thu hồi **28.450,00m²** đất phi nông nghiệp (trong tổng diện tích 86.117,00m² đất phi nông nghiệp đã được UBND tỉnh Phú Thọ giao cho UBND xã Sơn Vi để xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tại Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 26/6/2007), thuộc địa bàn xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, theo chỉ giới ABCDEF, thể hiện trên bản vẽ xin giao cấp đất cho Công ty TNHH Leosco Việt Nam thực hiện dự án đầu tư thú nhồi bông, tỷ lệ 1/1000, do Trung tâm Lưu trữ và thông tin, thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập tháng 6/2007, có xác nhận của UBND xã Sơn Vi; đã được UBND huyện Lâm Thao, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và thống nhất trình duyệt.

b) Giao số diện tích đất phi nông nghiệp thu hồi nêu trên, giao cho Công ty TNHH Leosco Việt Nam thuê trong thời hạn 49 năm (Bốn mươi chín năm) tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư (ngày 25/6/2007), để xây dựng cơ sở sản xuất thú nhồi bông, vải, sợi theo giấy phép, dự án đầu tư và thiết kế được duyệt.

Điều 2. Giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH Leosco Việt Nam và chủ trì, phối hợp cùng UBND huyện Lâm Thao, UBND xã Sơn Vi và cơ quan liên quan tổ chức việc thu hồi và giao đất cho Công ty TNHH Leosco Việt Nam tại thực địa theo đúng vị trí, đúng diện tích đã xác định trong chỉ giới ABCDEF, thể hiện trên bản vẽ xin giao cấp đất cho Công ty TNHH Leosco Việt Nam thực hiện dự án đầu tư thú nhồi bông, tỷ lệ 1/1000 nêu tại Khoản a, Điều 1.

Công ty TNHH Leosco Việt Nam có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các chủ quản lý, sử dụng bị thu hồi đất theo quy định; quản lý, sử dụng đất đai đúng mục đích và thực hiện các nghĩa vụ của chủ sử dụng đất theo đúng quy định của Luật Đất đai.

Khi xây dựng công trình trên diện tích đất được giao, Công ty TNHH Leosco Việt Nam phải làm đầy đủ các thủ tục theo đúng trình tự quy định về quản lý đầu tư, xây dựng và pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính; Cục trưởng Cục thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Sơn Vi; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Giám đốc Công ty TNHH Leosco Việt Nam căn cứ quyết định thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Đình Vượng (đã ký)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2297/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 11 tháng 9 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi và giao đất cho Công ty cổ phần Đầu tư phát triển
và Kinh doanh xuất nhập khẩu Hùng Vương theo hình thức giao đất
có thu tiền sử dụng đất để xây dựng cửa hàng kinh doanh thương mại
tổng hợp tại phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét Đơn xin giao đất ngày 06 tháng 02 năm 2007 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển và Kinh doanh xuất nhập khẩu Hùng Vương, đề nghị tại Văn bản số 316/HC-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2007 của UBND thị xã Phú Thọ và Tờ trình số 1483/TT-TNMT ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

a) Thu hồi 421,9m² đất phi nông nghiệp (Cửa hàng Lương thực thị xã Phú Thọ) của Công ty cổ phần Lương thực và Thương mại tổng hợp Vĩnh Phú (đã bán tài sản cho Công ty cổ phần Đầu tư phát triển và Kinh doanh xuất nhập khẩu Hùng Vương và xin trả lại đất tại Văn bản số 15/TCKT-CV ngày 10 tháng 01 năm 2007) tại phố Tân Trung, phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ, theo chỉ giới 1.2.3.4.5.6, thể hiện trên bản vẽ thu hồi và giao đất tỷ lệ 1/500 do Trung tâm Phát triển quỹ đất lập tháng 01 năm 2007, có xác nhận của UBND phường Hùng Vương, được UBND thị xã Phú Thọ và Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất trình duyệt.

b) Giao số diện tích đất thu hồi nói trên cho Công ty cổ phần Đầu tư phát triển và Kinh doanh xuất nhập khẩu Hùng Vương sử dụng trong thời gian 50 năm (kể từ ngày nhận bàn giao tài sản 09/9/2005) theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất

để đầu tư xây dựng cửa hàng kinh doanh thương mại tổng hợp theo dự án được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, chấp thuận.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, cùng Sở Xây dựng, UBND thị xã Phú Thọ và các cơ quan liên quan tổ chức việc thu hồi và giao đất cho Công ty cổ phần Đầu tư phát triển và Kinh doanh xuất nhập khẩu Hùng Vương tại thực địa đúng vị trí, diện tích theo chỉ giới trên bản vẽ nêu tại điều 1.

Công ty cổ phần Đầu tư phát triển và Kinh doanh xuất nhập khẩu Hùng Vương có trách nhiệm quản lý, sử dụng đất đai và thực hiện đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Tài nguyên và Môi Trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính; Cục trưởng Cục thuế; Chủ tịch UBND thị xã Phú Thọ, Chủ tịch UBND phường Hùng Vương; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư phát triển và Kinh doanh xuất nhập khẩu Hùng Vương căn cứ quyết định thi hành.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Đình Vượng (đã ký)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2298/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 11 tháng 9 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi và giao đất cho Công ty cổ phần Hà Phương thuê để xây dựng cơ sở kinh doanh du lịch sinh thái tại phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị tại Đơn xin thuê đất ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Công ty cổ phần Hà Phương, Tờ trình số 985/TT-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2007 của UBND thành phố Việt Trì và Tờ trình số 1576/TT-TNMT ngày 25 tháng 8 năm 2007 của Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

a) Thu hồi 34.820m² đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp tại khu vực hồ Đồng Gia, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, theo chỉ giới 1.2.3... 44.45.46, thể hiện trên bản vẽ thu hồi giao đất tỷ lệ 1/500 do Trung tâm quy hoạch và Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Phú Thọ lập tháng 7 năm 2007, có xác nhận của UBND phường Tiên Cát, được UBND thành phố Việt Trì và Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất trình duyệt.

b) Giao số diện tích thu hồi nói trên cho Công ty cổ phần Hà Phương thuê để xây dựng cơ sở kinh doanh du lịch sinh thái theo dự án đầu tư xây dựng được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và chấp thuận.

Trong đó:

- Diện tích đất giao cho Công ty cổ phần Hà Phương thuê trong thời gian 49 năm để xây dựng cơ sở kinh doanh du lịch sinh thái là 28.568,1 m², chỉ giới 2.3.4...43.44.45.

- Diện tích đất giao cho Công ty cổ phần Hà Phương thuê có thời hạn là 6.251,9 m², chỉ giới 1.2.45.46. Khi tình triển khai dự án đầu tư xây dựng tại diện tích này,

Công ty cổ phần Hà Phương có trách nhiệm tự giải phóng mặt bằng, hoàn trả đất và không được bồi thường.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, cùng Sở Xây dựng, UBND thành phố Việt Trì và các cơ quan liên quan tổ chức việc thu hồi và giao đất cho Công ty cổ phần Hà Phương tại thực địa đúng vị trí, diện tích theo chỉ giới trên bản vẽ nêu tại điều 1.

Công ty cổ phần Hà Phương có trách nhiệm quản lý, sử dụng đất đai và thực hiện đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính; Cục trưởng Cục thuế; Chủ tịch UBND thành phố Việt Trì, Chủ tịch UBND phường Tiên Cát; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Giám đốc Công ty cổ phần Hà Phương căn cứ quyết định thi hành.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Đình Vượng (đã ký)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2299/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 11 tháng 9 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi và giao đất cho Công ty TNHH Miwon Việt Nam xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu ở dân cư và tái định cư để mở rộng nhà máy tại phường Tiên Cát và phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 603/MIWON ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Công ty TNHH Miwon Việt Nam, Tờ trình số 1174/TTr-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2007 của UBND thành phố Việt Trì và Tờ trình số 1655/TT-TNMT ngày 10 tháng 9 năm 2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

a) Thu hồi 6.060,0m² đất nông nghiệp tại phường Tiên Cát và phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì theo chỉ giới 1.2.3... 19.20.21, thể hiện trên bản vẽ thu hồi và giao đất tỷ lệ 1/500 do Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Minh Chí lập tháng 6 năm 2007, có xác nhận của UBND phường Tiên Cát, UBND phường Thọ Sơn; được UBND thành phố Việt Trì và Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất trình duyệt.

Trong đó:

- Diện tích đất thuộc phường Tiên Cát là 5.418,0m².

- Diện tích đất thuộc phường Thọ Sơn là 642,0m².

b) Chuyển mục đích sử dụng diện tích thu hồi nói trên theo sang quỹ đất phi nông nghiệp và giao cho Công ty TNHH Miwon Việt Nam xây dựng hạ tầng khu ở

dân cư và tái định cư để mở rộng nhà máy theo quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2007.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, cùng Sở Xây dựng, UBND thành phố Việt Trì và các cơ quan liên quan tổ chức việc thu hồi và giao đất cho Công ty TNHH Miwon Việt Nam tại thực địa đúng vị trí, diện tích theo chỉ giới trên bản vẽ nêu tại điều 1.

Giao UBND thành phố Việt Trì quyết định thu hồi diện tích đất của từng hộ gia đình, từng cá nhân trong phạm vi diện tích đất thu hồi tại khoản a, điều 1 theo quy định tại Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ.

Công ty TNHH Miwon Việt Nam có trách nhiệm bồi thường cho các chủ sử dụng đất bị thu hồi; giải phóng mặt bằng và thực hiện đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính; Cục trưởng Cục thuế; Chủ tịch UBND thành phố Việt Trì, Chủ tịch UBND phường Tiên Cát, Chủ tịch UBND phường Thọ Sơn; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Giám đốc Công ty TNHH Miwon Việt Nam căn cứ quyết định thi hành.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Đình Vượng (đã ký)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2300/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 11 tháng 9 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**V/v duyệt mức hỗ trợ dự án: Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc
Chương trình 135 giai đoạn 2006 – 2010**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 676/2006/TTLT-UBND-KHDT-TC-XD-NNPTNT ngày 08/8/2006 của Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp & PTNT hướng dẫn thực hiện chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 30/2006/TTLT-BTC-BNNPTNT-BTS ngày 06/4/2006 của liên Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ Thủy sản về việc hướng dẫn và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến nông, khuyến ngư;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BNN ngày 15/01/2007 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc hướng dẫn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nâng cao trình độ sản xuất của đồng bào các dân tộc vùng đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2006 - 2010;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 51/TTr-SNN ngày 15 tháng 6 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt mức hỗ trợ cho dự án: Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2006 - 2010 như phụ biểu đính kèm.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp cùng các cơ quan có liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này. Căn cứ vào mức

hỗ trợ được phê duyệt trên đây và mức vốn được bố trí hàng năm, UBND các huyện có Chương trình 135 triển khai lập dự toán, tổ chức thực hiện và thanh quyết toán cho dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2006 - 2010 theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Dân tộc Tôn giáo tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện có Chương trình 135 và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Hải (đã ký)

PHỤ BIỂU

**Kèm theo Quyết định số: 2300/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2007
của UBND tỉnh Phú Thọ**

I - ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ:**1. Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ**

a) Hộ nghèo theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 8 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ "Về việc ban hành chuẩn nghèo cho giai đoạn 2006 - 2010".

b) Nhóm hộ được dự án hỗ trợ phải đảm bảo các điều kiện:

- Gồm những hộ nghèo và những hộ khác đang sinh sống trên cùng địa bàn, có cùng mối quan tâm chung đến phát triển sản xuất và tự nguyện hợp tác giúp đỡ nhau (số lượng, tỷ lệ hộ nghèo trong nhóm do UBND xã quy định cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương).

- Có cam kết hoặc nội quy hoạt động trong đó quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi và đóng góp (công lao động, tiền, vật tư) của từng thành viên trong nhóm để thực hiện dự án và có kế hoạch sử dụng nguồn vốn nhằm tăng thu nhập, tạo việc làm cho các thành viên trong tổ nhóm được UBND xã phê duyệt.

- Có tổ trưởng do các thành viên trong tổ bầu ra để quản lý, điều hành hoạt động của nhóm.

2. Phạm vi thực hiện:

Các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật trong quy định này áp dụng để lập dự toán, xây dựng dự án, thanh toán, phê duyệt quyết toán cho các nhiệm vụ của Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2006 - 2010 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

II - NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ:**1. Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và khuyến công****1.1. Các nội dung hoạt động được hỗ trợ:**

a) Tuyên truyền các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, thông tin thị trường, giá cả; in ấn, phát hành và phổ biến tới các hộ một số quy trình sản xuất cây trồng, vật nuôi, bảo quản, chế biến nông lâm sản;

b) Bồi dưỡng, tập huấn, truyền nghề để nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý kinh tế nông nghiệp nông thôn;

c) Tổ chức tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm sản xuất trong và ngoài địa phương;

1.2. Các khoản chi phí và mức được hỗ trợ:

a) Chi phí in ấn tài liệu, tờ rơi tranh ảnh;

b) Chi tổ chức hội nghị, tập huấn;

- Chi hội trường, dụng cụ giảng dạy;

- Chi bồi dưỡng giảng viên;

- Chi tiền ăn ngủ học viên;

- Chè nước hội nghị;

- Phục vụ hội nghị;

- Phương tiện đi lại;

- Chi tham quan, học tập kinh nghiệm;

(Mức chi phí cụ thể theo phụ lục 01 kèm theo).

2. Hỗ trợ xây dựng và phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất

2.1. Các nội dung hoạt động được hỗ trợ:

a) Mô hình chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông, lâm, thủy sản;

b) Mô hình sản xuất gắn với chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản;

c) Mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

(Mức chi phí cụ thể theo phụ lục 02a kèm theo).

2.2. Các khoản chi phí và mức được hỗ trợ:

a) Chi phí hỗ trợ giống, vật tư;

b) Chi bồi dưỡng giảng viên;

c) Chi hội trường, dụng cụ giảng dạy;

d) Chi phí in ấn tài liệu, tờ rơi tranh ảnh;

đ) Chi tiền ăn học viên;

e) Chè nước hội nghị;

f) Phục vụ hội nghị;

g) Bồi dưỡng báo cáo viên;

(Mức chi phí cụ thể theo phụ lục 02b kèm theo).

3. Hỗ trợ các loại giống cây trồng vật nuôi, vật tư sản xuất cho các hộ nghèo, nội dung và mức hỗ trợ như sau:

3.1. Giống cây trồng: Hỗ trợ 100% giá giống theo quy trình kỹ thuật và định mức đối với các loại giống sau:

a) Cây lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày: Cây lúa, cây ngô, cây lạc, cây đậu tương, cây khoai tây, vừng,...

(Mức hỗ trợ cụ thể theo phụ lục số 03 kèm theo).

b) Cây công nghiệp dài ngày: Chè, bưởi, hồng ghép không hạt, mía...

(Mức hỗ trợ cụ thể theo phụ lục số 04 kèm theo).

c) Cây lâm nghiệp: Keo tai tượng, keo lai giâm hom, mây nếp, tre Bát Độ,...

(Mức hỗ trợ cụ thể theo phụ lục số 05 kèm theo).

3.2. Giống vật nuôi:

a) Giống đại gia súc và gia súc:

+ Hỗ trợ 70% giá giống lần đầu đối với giống trâu, bò;

+ Hỗ trợ 80% giá giống lần đầu đối với giống lợn, dê theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

(Mức hỗ trợ cụ thể theo phụ lục số 06 kèm theo).

b) Giống gia cầm hỗ trợ 100% tiền mua con giống lần đầu: Gà, ngan, vịt theo tiêu chuẩn kỹ thuật

(Mức hỗ trợ cụ thể theo phụ lục số 07 kèm theo).

c) Giống thủy sản hỗ trợ 100% tiền mua con giống lần đầu: Chép, trôi, trắm cỏ, mè, Mrigân, rô phi đơn tính... theo tiêu chuẩn kỹ thuật:

(Mức hỗ trợ cụ thể theo phụ lục số 08 kèm theo).

3.3. Vật tư sản xuất

a) Đối với các loại cây trồng: Cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lâm nghiệp (như mục 2.1) hỗ trợ 100% giá mua phân vô cơ, phân vi sinh và thuốc bảo vệ thực vật theo quy trình kỹ thuật.

b) Đối với vật nuôi:

- Thức ăn: Đại gia súc: Hỗ trợ 40% giá mua

Gia súc: Hỗ trợ 60% giá mua

Gia cầm: Hỗ trợ 60% giá mua

Thủy sản: Hỗ trợ 60% giá mua.

- Thuốc, Vacxin phòng bệnh (như mục 2.2) hỗ trợ 100% theo quy trình kỹ thuật.

4. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, máy móc, công cụ chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch

4.1. Các loại máy móc thiết bị được hỗ trợ:

a) Máy móc chế biến, bảo quản nông, lâm sản

b) Công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp.

4.2. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Máy móc chế biến, bảo quản nông, lâm sản sau thu hoạch hỗ trợ theo nhóm hộ hoặc từng hộ tùy theo công suất của máy móc, thiết bị và khối lượng sản phẩm cần chế biến, bảo quản sau thu hoạch của các hộ. Mức hỗ trợ bằng 50% giá trị máy móc thiết bị chính, nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 5 triệu đồng/hộ.

b) Công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản nông, lâm sản sau thu hoạch hỗ trợ theo hộ hoặc từng nhóm hộ theo công suất của công cụ trang thiết bị và khối lượng sản phẩm cần chế biến, bảo quản sau thu hoạch của các hộ. Mức hỗ trợ bằng 50% giá trị công cụ, thiết bị nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 3 triệu đồng/hộ.

c) Khi mua sắm máy công cụ phục vụ cho sản xuất, bảo quản, chế biến, nông lâm sản sau thu hoạch:

- Đối với các loại máy, công cụ hoặc 01 lô hàng có giá trị dưới 50 triệu đồng thì phải có báo giá tại 3 nơi bán khác nhau.

- Đối với các loại máy móc, công cụ hoặc một lô hàng từ 50 triệu đồng trở lên thì phải lấy báo giá xin trình thẩm định giá theo quy định hiện hành.

III - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp & PTNT

a) Sở Nông nghiệp & PTNT chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Ban Dân tộc & Tôn giáo và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

b) Hướng dẫn các huyện lập kế hoạch đầu tư; tổng hợp kế hoạch vốn, xây dựng kế hoạch phân bổ vốn chi tiết dự án cho các huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Chỉ đạo, tổng kết, phổ biến, xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; kiểm tra, giám sát thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh;

d) Tổng hợp kết quả thực hiện dự án định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và 1 năm báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Có nhiệm vụ bố trí các nguồn vốn ngân sách khác để lồng ghép với nguồn vốn ngân sách Chương trình 135 và phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT phân bổ chi tiết cho các huyện.

3. Sở Tài chính

Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT và Sở Kế hoạch & Đầu tư bố trí nguồn vốn cho các dự án của Chương trình và tổng hợp phương án phân bổ vốn theo thẩm quyền; hướng dẫn cơ chế tài chính đơn giá thực hiện dự án.

4. Ủy ban nhân dân các huyện

a) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về toàn bộ hoạt động của Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đảm bảo đúng mục đích, đối tượng, địa bàn và đạt hiệu quả sử dụng vốn;

b) Làm chủ đầu tư và giao cho 01 đơn vị của huyện quản lý thực hiện dự án.

c) Hướng dẫn các xã xây dựng, thẩm định và phê duyệt kế hoạch đầu tư giai đoạn 2006 - 2010 và kế hoạch hàng năm; tổng hợp, báo cáo về Sở Nông nghiệp và PTNT, cơ quan thường trực Chương trình 135 của tỉnh;

d) Tổng hợp kết quả thực hiện dự án, báo cáo Sở Nông nghiệp & PTNT, cơ quan thường trực Chương trình 135 của tỉnh định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 1 năm theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân các xã

a) Chịu trách nhiệm trước UBND huyện và nhân dân trong xã về toàn bộ hoạt động của Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn, kết quả và hiệu quả sử dụng vốn;

b) Xây dựng kế hoạch hàng năm và cả giai đoạn trình UBND huyện thẩm định, phê duyệt; hướng dẫn người dân lựa chọn các nội dung hỗ trợ của dự án;

c) Tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện dự án đến hộ, nhóm hộ và kiểm tra giám sát việc thực hiện dự án đảm bảo đúng quy chế dân chủ cơ sở;

d) Tổng hợp kết quả thực hiện dự án định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 1 năm báo cáo UBND huyện.

Phụ lục 01

**MỨC HỖ TRỢ DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2006 - 2010 CÁC HOẠT ĐỘNG
KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN LÂM, KHUYẾN NGƯ VÀ KHUYẾN CÔNG**

*Kèm theo Quyết định số: 2300/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2007
của UBND tỉnh Phú Thọ*

Số T T	Các hoạt động và chi phí được hỗ trợ	Mức hỗ trợ
I	Tuyên truyền các tiến bộ khoa học kỹ thuật, thông tin thị trường, giá cả; in ấn phát hành và phổ biến tới các hộ dân một số quy trình sản xuất cây trồng, vật nuôi, bảo quản, chế biến nông, lâm sản...	
1	Chi phí in ấn tài liệu	
-	In ấn tài liệu:	
	Biên soạn tài liệu	10.000 đồng/trang
	Đánh máy tài liệu	5.000 đồng/trang
	Phô tô tài liệu	200 đồng/trang
-	In tờ rơi, tranh ảnh	Theo đơn giá của Xí nghiệp In Phú Thọ
2	Chi phí tuyên truyền, phổ biến	
-	Chi hội trường, dụng cụ giảng dạy	200.000 đồng/lớp
-	Chi tiền công giảng viên	25.000đ/giờ/người
-	Chi tiền ăn học viên	20.000đ/người/ngày
-	Chè nước hội nghị	2.000đ/người/ngày
-	Phục vụ hội nghị	25.000đ/người/ngày
II	Bồi dưỡng, tập huấn, truyền nghề để nâng cao kiến thức kỹ năng quản lý nông nghiệp nông thôn	
1	Chi phí in ấn tài liệu	
-	In ấn tài liệu	
	Biên soạn tài liệu	10.000 đồng/trang
	Đánh máy tài liệu	5.000 đồng/trang
	Phô tô tài liệu	200 đồng/trang
-	In tờ rơi, tranh ảnh	Theo đơn giá của Xí nghiệp In Phú Thọ
2	Chi phí tập huấn, bồi dưỡng, truyền nghề	

-	Chi hội trường, dụng cụ giảng dạy	200.000 đồng/lớp/ngày
-	Chi tiền công giảng viên	25.000đ/giờ/người
-	Chi tiền ăn học viên	20.000đ/người/ngày
-	Chè nước hội nghị	2.000đ/người/ngày
-	Phục vụ hội nghị	25.000đ/người/ngày
III	Tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm sản xuất trong và ngoài địa phương	
1	Phương tiện đi lại	Giá cước vận tải công cộng
2	Tiền ngủ	Tối đa không quá 80.000đ/người/tối đa với trong tỉnh và không quá 120.000đ/người/tối đa với ngoài tỉnh
3	Tiền ăn học viên tại nơi thăm quan và trên đường đi	Tối đa không quá 50.000đ/người/ngày
4	Tiền nước uống	Tối đa không quá 5.000đ/người/ngày
5	Thù lao hướng dẫn viên	100.000đ/người/ngày

Phụ lục số 02a:

**MỨC HỖ TRỢ DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2006 - 2010
ĐỐI VỚI MỘT SỐ MÔ HÌNH**

*Kèm theo Quyết định số: 2300/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2007
của UBND tỉnh Phú Thọ*

STT	Mô hình	Ghi chú
1	Mô hình sản xuất nấm ăn	Biểu 2a.1.2
2	Mô hình thủy sản	Biểu 2a.3.4
3	Mô hình chế biến nông lâm sản	Biểu 2a.5.6
4	Mô hình phát triển sản xuất - chuyển dịch cơ cấu kinh tế	Trên cơ sở đề xuất của hộ, nhóm hộ xây dựng mô hình theo định mức cho phù hợp

(Có biểu chi tiết mô hình kèm theo)

Phụ lục số 02a.1:

**MỨC HỖ TRỢ DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2006 - 2010 MÔ HÌNH
SẢN XUẤT NĂM ĂN: MỘC NHĨ, NĂM HƯƠNG, LINH CHI**

*Kèm theo Quyết định số: 2300/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2007
của UBND tỉnh Phú Thọ*

I - MỨC HỖ TRỢ GIỐNG, VẬT TƯ

(Tính cho: 01 tấn nguyên liệu)

TT	Diễn giải	ĐVT	Yêu cầu của chương trình	Mức hỗ trợ
I	Đối với mộc nhĩ			
1	Giống	Que	1.500	100%
2	Nguyên liệu	kg	1.000	100%
3	Túi PE (19x38)	kg	8	100%
4	Nút, bông, chun...	kg	8	100%
5	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	1.500	100%
II	Đối với nấm hương			
1	Giống	kg	5	100%
2	Nguyên liệu	kg	1.000	100%
3	Túi PE (25x35)	kg	8	100%
4	Nút, bông, chun...	kg	8	100%
5	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	2.000	100%
III	Đối với nấm linh chi			
1	Giống	Chai	30	100%
2	Nguyên liệu	kg	1.000	100%
3	Túi PE (25x35)	kg	8	100%
4	Nút, bông, chun...	kg	8	100%
5	Cắm và phụ gia	1.000đ	360	100%
6	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	2.000	100%

II - PHẦN TRIỂN KHAI

TT	Diễn giải	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	4	
2	Tập huấn kỹ thuật	Lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	Lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	Lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Tấn/ N.liệu/ngu ời	20	

Phụ lục số 02a.2:

**MỨC HỖ TRỢ DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2006 - 2010 MÔ HÌNH
SẢN XUẤT NĂM ĂN, NĂM MỠ, NĂM SÒ, NĂM RƠM**

*Kèm theo Quyết định số: 2300/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2007
của UBND tỉnh Phú Thọ*

I - MỨC HỖ TRỢ GIỐNG, VẬT TƯ

(Tính cho: 01 tấn nguyên liệu)

TT	Diễn giải	ĐVT	Yêu cầu của chương trình	Mức hỗ trợ
I	Đối với năm mỡ			
1	Giống	Kg	18	100%
2	Nguyên liệu	Kg	1.000	100%
3	Urê	Kg	5	100%
4	Đạm Sunphat	Kg	20	100%
5	Lân Supe	Kg	30	100%
6	Bột nhẹ	Kg	30	100%
II	Đối với năm sò			
1	Giống	Kg	45	100%
2	Nguyên liệu	Kg	1.000	100%
3	Túi PE (30x45)	Kg	6	100%
4	Nút, bông, chun...	Kg	6	100%
5	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	1.000	100%
III	Đối với năm rơm			
1	Giống	Kg	12	100%
2	Nguyên liệu	Kg	1.000	100%
3	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	500	100%

II - PHẦN TRIỂN KHAI

TT	Diễn giải	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	3	
2	Tập huấn kỹ thuật	Lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	Lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	Lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Tấn/ N.liệu/ngu ời	20	

Phụ lục số 02a.3

**MỨC HỖ TRỢ DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2006 - 2010
MÔ HÌNH NÂNG CAO NĂNG SUẤT CÁ AO BẰNG ĐỐI TƯỢNG
CÁ RÔ PHI ĐƠN TÍNH LÀ CHÍNH**

*Kèm theo Quyết định số: 2300/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2007
của UBND tỉnh Phú Thọ*

Quy mô (ha): 0,5

Năng suất: 10 tấn/ha

* Tỷ lệ giống thả: rô phi 60%, mè 20%, trôi 10%, chép 5%, trắm cỏ 5%.

Số TT	Loại cá giống	Một số tiêu chuẩn nuôi cá thịt trong ao					
		Ngoại hình	Trạng thái hoạt động	Quy cỡ cá thả (cm)	Mật độ thả (con/m ²)	Yêu cầu của chương trình	Mức hỗ trợ %
1	Con giống:						
	- Cá rô phi đơn tính	Cá khỏe mạnh, cân đối, không dị hình, vây hoàn chỉnh, không sây sật, không bị mất nhớt, cỡ cá đồng đều	Hoạt bát, nhanh nhẹn, bơi chìm trong nước theo đàn	5 - 6	2,4	12.000	100%
	- Cá mè			10 - 12	0,8	4.000	100%
	- Cá trôi			6 - 8	0,4	2.000	100%
	- Cá trắm cỏ			10 - 12	0,2	1.000	100%
	- Cá chép			6 - 8	0,2	1.000	100%
2	Thức ăn công nghiệp (kg)	Hệ số thức ăn: 01				4.800	100%
3	Thuốc + hóa chất (ĐVT đồng)					800.000	100%
4	Công chi đạo (120.000đ/tháng/người/ha)	Thời gian nuôi (tháng): 8					
5	Xăng xe triển khai MH	Tính bằng 3% tổng kinh phí của MH					
6	Tập huấn ban đầu, hội thảo đầu bờ (2 triệu đồng/1 hội nghị)						

Phụ lục số 02a.4